

Số: 145/CV-TST  
V/v: Điều chỉnh số liệu BCTC năm  
2020 đã công bố

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG VIỆT NAM  
Địa chỉ: 102 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Q1, TP.HCM  
Mã chứng khoán: VPS

Thực hiện theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty cổ phần Thuốc sắt trùng Việt Nam xin công bố thông tin về điều chỉnh số liệu BCTC riêng và hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán như sau:

1. Chúng tôi đã công bố Báo cáo tài chính riêng năm 2020 vào ngày 12/03/2020. Tuy nhiên, ngày 24/03/2021, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nhận được Thư tư vấn của Công ty Luật TNHH MTV Việt Phúc về việc "Yêu cầu hoàn trả tiền tạm ứng cho Dự án nhà máy nông dược tại huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định và các vấn đề khác có liên quan". Theo kết quả tư vấn Pháp lý thì Công ty có cơ sở thu hồi đối tác liên quan đến Chi phí đầu tư dự án, theo đó Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự kiến tổn thất đã trích lập số tiền 2.181.818.182 đồng.
2. Nhằm nhất quán chung với các đơn vị có Vốn góp chi phối của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, chúng tôi thay chính sách phân bổ tiền thuê đất trong giai đoạn XD/CB vào chi phí kinh doanh trong năm kể từ thời điểm thuê đất đối với Quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần tại Khu Công nghiệp Đức Hòa 1, Long An liên quan đến Dự án Nhà máy sang chiết, gia công và đóng gói thuốc bảo vệ thực vật đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thời gian thuê đất. Chúng tôi đã thực hiện tính toán chi phí thuê đất cần hạch toán bổ sung vào kết quả kinh doanh năm 2020 là 1.857.516.533 đồng.

Những thay đổi trên dẫn đến một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng và hợp nhất thay đổi và được thể hiện như sau:



**Báo cáo tài chính riêng:**

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2020	31/12/2020	Chênh lệch
		(Sau điều chỉnh)	(Số đã công bố)	
		VND	VND	VND
<b>A/ Bảng CĐKT riêng</b>				
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(57,882,167,545)	(60,063,985,727)	2,181,818,182
- Chi phí trả trước dài hạn	261	71,356,101,996	73,213,618,529	(1,857,516,533)
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	2,023,633,096	1,652,129,789	371,503,307
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21,738,764,857	21,042,959,901	695,804,956
<b>B/ Báo cáo KQ HĐKD Riêng</b>				
- Giá vốn hàng bán	11	341,512,187,679	339,654,671,146	1,857,516,533
- Chi phí khác	32	2,311,820,992	4,493,639,174	(2,181,818,182)
- Lợi nhuận khác	40	(2,183,730,655)	(4,365,548,837)	2,181,818,182
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	15,067,663,081	14,743,361,432	324,301,649
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(1,680,733,096)	(1,309,229,789)	(371,503,307)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	12,004,151,801	11,308,346,845	695,804,956
<b>C/ Báo cáo LCTT riêng</b>				
- Lợi nhuận trước thuế	01	15,067,663,081	14,743,361,432	324,301,649
- Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02	10,684,096,048	8,826,579,515	1,857,516,533
- Các khoản dự phòng	03	4,874,865,684	7,056,683,866	(2,181,818,182)

14088  
NG T  
PHÁP  
SÁT TP  
T NAI  
PHỐC

**Báo cáo tài chính hợp nhất:**

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2020	31/12/2020	Chênh lệch
		(Sau điều chỉnh) VND	(Số đã công bố) VND	
<b>A/ Bảng CĐKT hợp nhất</b>				
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(59,795,531,918)	61,977,350,100)	2,181,818,182
- Chi phí trả trước dài hạn	261	71,356,101,996	73,213,618,529	(1,857,516,533)
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	2,023,633,096	1,652,129,789	371,503,307
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22,504,139,491	21,808,334,535	695,804,956
<b>B/ Báo cáo KQ HĐKD hợp nhất</b>				
- Giá vốn hàng bán	11	59,191,600,163	357,334,083,630	1,857,516,533
- Chi phí khác	32	2,434,650,321	4,616,468,503	(2,181,818,182)
- Lợi nhuận khác	40	(2,248,646,518)	(4,430,464,700)	2,181,818,182
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	17,871,816,131	17,547,514,482	324,301,649
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(1,775,891,779)	(1,404,388,472)	(371,503,307)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	14,416,075,466	13,720,270,510	695,804,956
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	562	533	29
<b>C/ Báo cáo LCTT hợp nhất</b>				
- Lợi nhuận trước thuế	01	17,871,816,131	17,547,514,482	324,301,649
- Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02	10,841,895,725	8,984,379,192	1,857,516,533
- Các khoản dự phòng	03	5,307,405,150	7,489,223,332	(2,181,818,182)

Toàn văn Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 sau khi điều chỉnh được công bố trên trang thông tin điện tử Công ty Cổ Phần Thuốc sát trùng Việt Nam: [www.vipesco.com.vn](http://www.vipesco.com.vn).

Trân trọng.

- Như trên;
- Lưu HC, TCKT.

**Tổng giám đốc Công ty**



**Nguyễn Thân**